**NỘI DUNG HỌC TẬP TUẦN 12**

**MÔN: TIẾNG ANH KHỐI: 7**

**UNIT 6: AFTER SCHOOL – SECTION B: LET’S GO!**

**Tiết 1: Part B1. Listen. Then practice in groups of four**

**I. New Vocabulary**

- Assignment(s) /əˈsaɪnmənt/ (n) nhiệm vụ, bài tập về nhà

- Relax /rɪˈlæks/ (v) giải trí

- Come on /kʌmɒn/ (v) ≈ hurry up: nhanh lên

- To be …on: đang được trình chiếu (phim)

- Cafeteria /kæfəˈtɪəriə/ (n) quán ăn tự phục vụ

**II. Grammar**

**\* REVIEW THE STRUCTURE OF SUGGESTION**

Ôn tập lại cấu trúc lời đề nghị và cách đáp lại lời mời.

- Bổ sung thêm các mẫu câu đáp lại lời mời:

*+ Đồng ý:*

All right.

That’s a good idea!

Ok. / Sure. / Great.

*+ Không đồng ý:*

No, I don’t want to.

I’m sorry. I can’t.

I prefer to….

**III. Practice**

**\* Reading**

**Exercise 1. Read the conversation in page 64 and decide whether the following statements are True or False**

a. Nam wants to go to the zoo.

b. Lan doesn’t want to see the movies.

c. Lan wants to go to Hoa’s house.

d. Hoa has too many assignments, so she can’t come.

**Exercise 2. Read the conversation and answer the questions**

a. What does Nam want to go to the movies?

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

b. What does Lan want to do?

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

c. Why doesn’t Hoa want to go to Lan’s house?

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

d. What day is it?

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**\* Grammar**

**Exercise 3. Make suggestions for each picture**

****1. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ 2. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

****

****3. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ 4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Exercise 4. Choose the best answer**

1. Let’s …………. Our home work.

a. doing b. to do c. does d. do

2. How about ……………. to pop music?

a. listening b. listen c. to listen d. listens

3. Why don’t you …………. chess?

a. playing b. plays c. to play d. play

4. We should ………….. to the circus.

a. going b. go c. to go d. goes

5. What about …………. an English song?

a. singing b. sing c. to sing d. sings

**Tiết 2: Part B2,B3**

**I. Part B2: Read and discuss**

**\* New Vocabulary**

- Survey (n) /ˈsɝː.veɪ/ : khảo sát

- Teenager (n) /ˈtiːnˌeɪ.dʒɚ/ : thiếu niên

- Popular (a) /ˈpɒp.jə.lər/ : phổ biến

- To attend (v) /əˈtend/ : tham gia

- To attend to sb/st : rất chú tâm, rất cẩn thận

- Scout (n) /skaʊt/ : hướng đạo sinh

- Organization (n) /ˌɔːr.ɡən.əˈzeɪ.ʃən/ :sự tổ chức

- Organize (v) /ˈɔːr.ɡən.aɪz/ : tổ chức, thết lập

- Musical instrument /ˈmjuː.zɪ.kəlˈɪn.strə.mənt/ : nhạc cụ

- Coin (n) /kɔɪn/ : tiền đồng ( tiền kim loại)

- Model (n) /ˈmɒd.əl/ :mô hình, kiểu, mẫu

- Collect (v) /kəˈlekt/ : thu thập, sưu ầm

🡪 Collection (n) /kəˈlek.ʃən/ :sự sưu t, bộ sưu tầm

🡪 Collector (n) /kəˈlek.tɚ/ : người sưu tầm

- Make model of : làm mô hình

**\* Practice**

**Exercise 5. Read and discuss**

A magazine survey of 13 years old shows what American teenagers like to do in their free time. Here are the top ten most popular activities.

1. Eat in fast food restaurants.

2. Attend youth organizations such as scouts and guides.

3. Learn to play a musical instrument such as the guitar.

4. Go shopping.

5. Watch television.

6. Go to the movies.

7. Listen to music.

8. Collect things such as stamps or coins.

9. Make model of things such as cars or planes.

10. Help old people with their shopping or cleaning.

**Exercise 6. Complete what Vietnamese teenagers like to do by using your own idea**

Hoàn thành những việc mà thanh thiếu niên thích làm bằng việc sử dụng ý kiến của mình

|  |  |
| --- | --- |
| ***American teenagers*** | ***Vietnam teenagers*** |
| 1. Eat in fast food restaurants2. Attend youth organizations such as scouts and guides3. Learn to play a musical instrument such as the guitar4. Go shopping5. Watch television6. Go to the movies7. Listen to music8. Collect things such as stamps or coins9. Make model of things such as cars or planes10. Help old people with their shopping or cleaning. | 1. Go shopping2. Listen to music3. ………………………4. ………………………5. ………………………6. ………………………7. ………………………8. ………………………9. ………………………10. ……………………… |

**II. Part B3. Listen. Then practice with a partner. Make a similar dialogue**

**1. New Vocabulary**

- Wedding /ˈwed.ɪŋ/ (n): đám cưới

**-** Join /dʒɔɪn/ (v): tham gia, tham dự

**2. Model**

***\* Cấu trúc mời ai đó làm việc nào đó:***

 Cấu trúc lời mời: **Would you like to + V(nguyên mẫu) ?**

 **EX : Would you like to have a drink ?**

**\* Note:** Ngoài cấu trúc trên thì ta có thể dùng thêm những cấu trúc khác mà đã được học ở **Part A1**

**\* Response**

*- Accept the invitation: (Đồng ý lời mời)*

+ Yes, I’d love to .

+ That would be great fun.

*- Refuse the invitation.*

+ I’d love to but I’m sorry, I can’t.

+ You are welcome.

+ It’s my pleasure.

**3. Practice**

**Exercise 7. Listen and choose True or False**

|  |  |
| --- | --- |
|  STATEMENTS |  TRUE or FALSE? |
| 1. Next Sunday is Nga’s birthday. |  |
| 2. Nga invites Lan and Hoa to come to her house for dinner. |  |
| 3. Nga invites Lan and Hoa to go to see a movie. |  |
| 4. Lan and Hoa will come to Nga’s house for lunch. |  |
| 5. Hoa is going to a wedding on Sunday. |  |

**Exercise 8. Practice the dialogue in Page 66**

**Tiết 3: Part B4, B5 (Học sinh tự học và tự hoàn thành bài tập)**

**I. Part B4. Read. Then discuss**

**1. New Vocabulary**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Elderly people: người già/ người cao tuổi**
 | IMG_256 |
| 1. **Community service: hoạt động giúp cộng đồng**
 | IMG_256 |
| 1. **Volunteer** /volənˈtiə/ **(n) người tình nguyện, xung phong Voluntary**/ˈvoləntəri, (*American*) volənˈteri/ **(v) tình nguyện, xung phong làm**

**Volunteer (adj) tình nguyện, tự nguyện****Voluntary (adj) tự ý, tự nguyện****Voluntarily**/ˈvoləntərəli (*American*) volənˈterili/**(adv): tự ý, tự nguyện, tình nguyện** | IMG_256 |
| 1. **Neighborhood clean-up campaigns: các chiến dịch làm sạch khu dân cư**
 | IMG_256IMG_256 |

**2. Practice**

**Exercise 9. Answer the questions**

1. How do some teenagers help the community? ( in the reading test)

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

2. How do Vietnamese teenagers help the community?

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**II. Part B5. Play with words**

**\* FURTHER PRACTICE**

**Circle the best reply to the following sentences:**

1. Shall we go out tonight?

A. Yes, we go. B. Yes, let’s. C. Yes, I can. D. Yes, we are.

2. Do you like pop music?

A. I would B. Yes, a lot. C. No, I like it. D. Yes, I am.

3. Let’s go to the pop concert at New College.

A. All right B. You’re going. C. We go. D. Good bye.

4. Would you like to go to the movies tomorrow?

A. Yes, I do B. Yes, I’d love to. C. Yes, I like. D. Yes, I’m going.

5. I’d like to see it

A. Will you? B. Do you? C. Are you? D. Would you?